

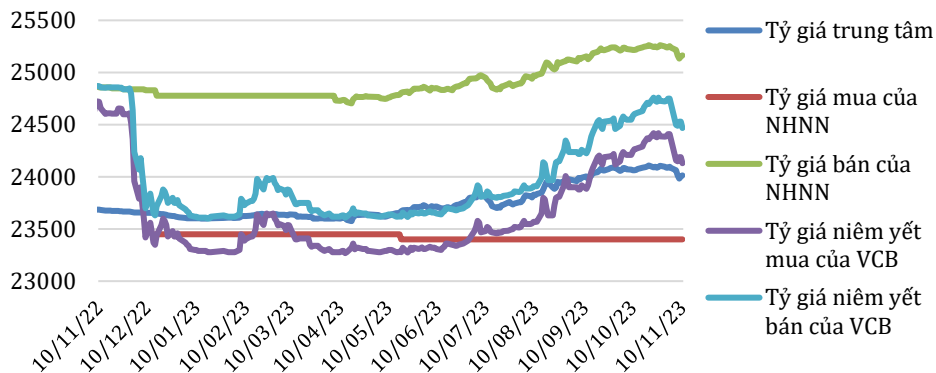
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 06/11 – 10/11

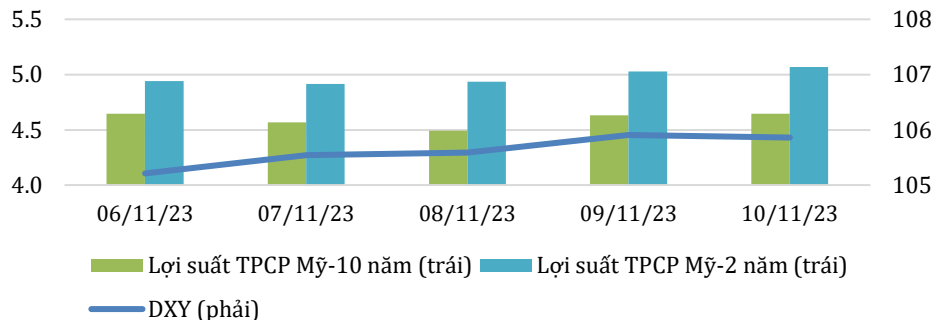
PHÒNG KINH DOANH VỐN

1 | Thị trường ngoại hối

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/VND TRONG NƯỚC



DXY & LỢI SUẤT TPCP MỸ



1, TIN TRONG NƯỚC

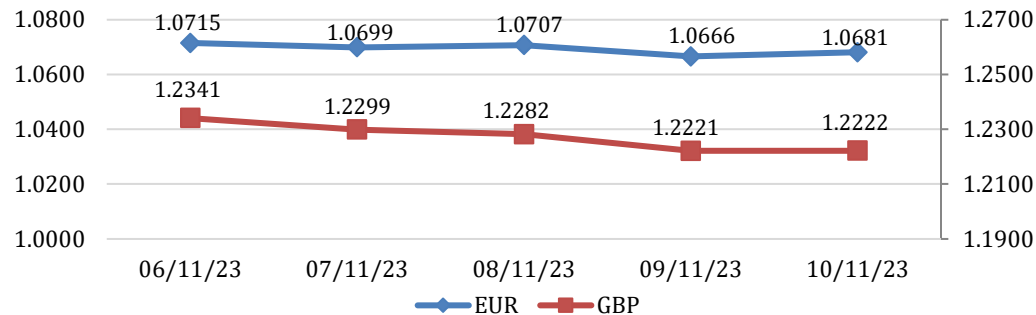
- Tỷ giá trung tâm (USD/VND) đóng cửa phiên ngày thứ 6 ở mức 24.014, giảm 50 đồng so với phiên đầu tuần và giảm 70 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước. Tỷ giá bán giao ngay (USD/VND) của NHNN trong phiên ngày thứ 6 được niêm yết ở mức 25.164, giảm 74 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Tỷ giá mua - bán chuyển khoản tại Vietcombank (USD/VND) trong phiên ngày thứ 6 ở mức 24.130 - 24.470, giảm 220 đồng ở cả chiều mua và chiều bán so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Dự báo: Tuần sau, tỷ giá niêm yết USD/VND của VCB nhiều khả năng tăng dần trong bối cảnh nhu cầu USD của khách hàng dự kiến ở mức tương đối cao.

2, TIN QUỐC TẾ

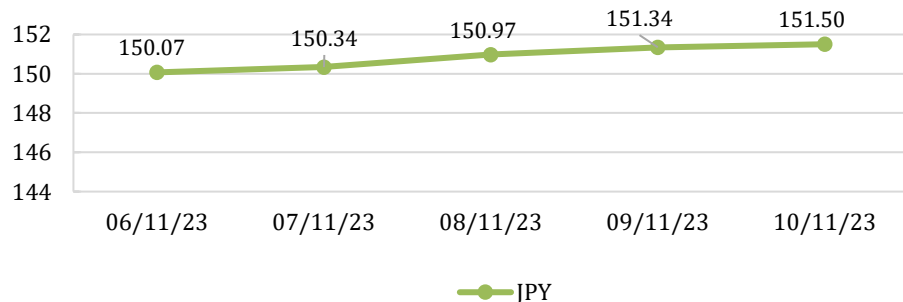
a) Mỹ

- Chỉ số DXY tăng 0,79% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 105,02 lên mức 105,86) khi Chủ tịch FED Jerome Powell đề cập đến khả năng tiếp tục tăng lãi suất điều hành nếu cần thiết để đưa lạm phát về mức mục tiêu 2%, tại cuộc thảo luận do IMF tổ chức ngày 09/11.
- Tin kinh tế:
 - Trong tháng 9, cán cân thương mại của Mỹ nhập siêu 61,5 tỷ USD, trong đó số liệu xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt là 261,1 tỷ USD và 322,7 tỷ USD.
 - Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần đạt 217.000 đơn, cao hơn mức 215.000 được dự báo.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ EUR/USD & GBP/USD



DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/JPY



b) Châu Âu

- Tỷ giá EUR/USD giảm 0,45% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,0729 xuống mức 1,0681), khi IMF tại ngày 08/11 nhận định ECB nên giữ nguyên lãi suất ở mức 4% đến hết năm 2024 nhằm kiểm soát lạm phát.

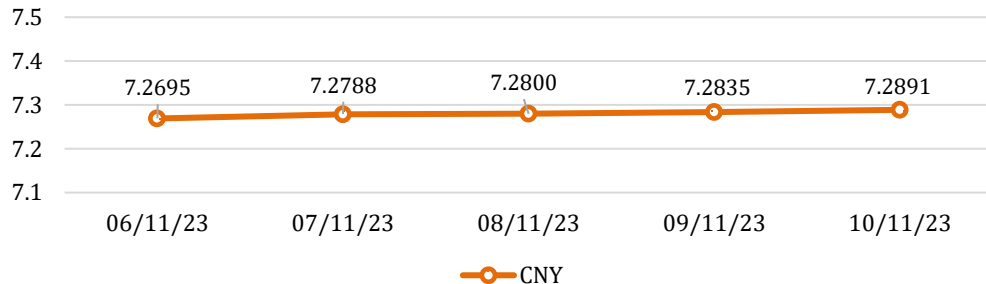
c) Anh

- Tỷ giá GBP/USD giảm 1,24% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,2376 xuống mức 1,2222), khi số liệu được công bố ngày 10/11 cho thấy GDP sơ bộ của Anh trong Quý 3 tăng trưởng 0% so với Quý trước, thấp hơn mức tăng 0,2% (QoQ) của Quý 2.

d) Nhật Bản

- Tỷ giá USD/JPY tăng 1,43% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 149,37 lên mức 151,50), tiến gần đến mức cao nhất trong 33 năm, chủ yếu do sự tăng giá của đồng USD cũng như sự đối lập trong quan điểm chính sách tiền tệ giữa Mỹ - Nhật.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/CNY



e) Trung Quốc

- Tỷ giá USD/CNY giảm 0,16% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 7,3005 xuống mức 7,2891), mặc dù nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục có dấu hiệu suy yếu. Cụ thể, số liệu lạm phát CPI và PPI của Trung Quốc trong tháng 10 giảm lần lượt 0,2% và 2,6% so với cùng kỳ năm trước, phần nào cho thấy sự suy giảm trong nhu cầu của người tiêu dùng.

Một số sự kiện đáng chú ý diễn ra trong tuần tới (13/11/2023 – 17/11/2023):

- **13/11/2023:** EU công bố các dự báo kinh tế.
- **14/11/2023:**
 - Anh công bố tình hình thị trường lao động tháng 10.
 - EU công bố GDP sơ bộ Quý III.
 - Mỹ công bố CPI tháng 10.
 - Nhật Bản công bố GDP sơ bộ Quý III, sản lượng công nghiệp tháng 9.
 - Trung Quốc công bố sản lượng công nghiệp, tình hình thị trường lao động tháng 10.
- **15/11/2023:**
 - Anh công bố CPI, PPI tháng 10.
 - EU công bố sản lượng công nghiệp, cán cân thương mại tháng 9.
 - Mỹ công bố PPI, doanh số bán lẻ tháng 10.
 - Nhật Bản công bố dữ liệu xuất khẩu, cán cân thương mại tháng 10.
- **16/11/2023:** Mỹ công bố chỉ số xuất nhập khẩu, cán cân thương mại tháng 10.
- **17/11/2023:**
 - Anh công bố doanh số bán lẻ tháng 10.
 - EU công bố CPI tháng 10.

2 | Thị trường tiền tệ trong nước

Hình thức GD	Kỳ hạn (ngày)			Chênh lệch
		06/11 - 10/11/2023	30/10 - 03/11/2023	
OMO reverse repo (1)	7	0.000	0.000	0.000
	28	0.000	0.000	0.000
Tín phiếu (2)	7	0.000	0.000	0.000
	28	15.000	58.200	-43.200
Đến hạn Tín phiếu (3)		65.000	46.900	18.100
Đến hạn OMO (4)		0.000	0.000	0.000
Chênh lệch (5) = (1)-(2)+(3)-(4)		50.000	-11.300	

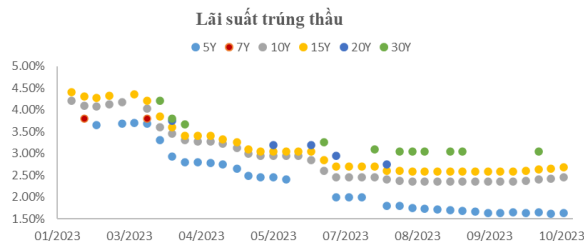
Diễn biến thị trường:

- Trong tuần 06/11 - 10/11/2023, mặt bằng lãi suất giao dịch trên thị trường LNH tiếp tục giảm. Theo đó, trung bình lãi suất các kỳ hạn ON - 1W giao dịch quanh mức 0,8 - 1,1%/năm. Lãi suất tại các kỳ hạn dài 1M - 3M giao dịch quanh mức 2,0 - 3,5%/năm.
- Trên thị trường mở, trong tuần NHNN hút 15.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu với kỳ hạn 28 ngày, lãi suất từ 1,0 - 1,5%/năm. Số dư tín phiếu tính tới hết ngày 10/11 ở mức 154.650 tỷ đồng. Từ ngày 09/11, NHNN đã dừng phát hành tín phiếu.
- Kênh OMO tiếp tục được NHNN chào kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4%/năm nhưng không có TCTD nào tham gia đấu thầu.

Dự báo:

- Dự kiến trong tuần tới, mặt bằng lãi suất trên thị trường LNH sẽ duy trì giao dịch ở mức thấp.

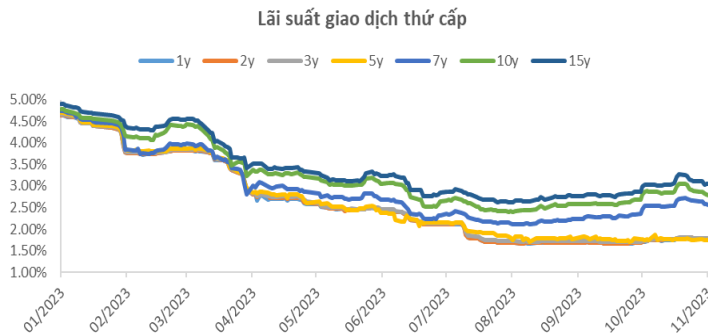
3 | Thị trường trái phiếu



Tuần qua, KBNN phát hành thành công 5.000 tỷ VND trong số 6.500 tỷ VND gọi thầu ở các kỳ hạn 5, 10, 15 và 20 năm. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm và 15 năm tăng 2 bps, trong khi kỳ hạn 5 năm và 20 năm không trúng thầu.

Thị trường thứ cấp

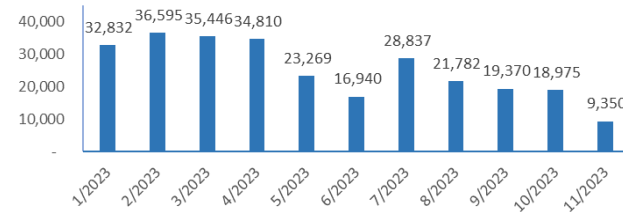
Thị trường thứ cấp có tuần giao dịch rất trầm lắng. Lực cầu lẫn áp lực cung đối với TPCP kỳ hạn 7-15 năm khiến lợi suất các kỳ hạn này giảm 16-23 bps trong khi lợi suất các kỳ hạn còn lại không có biến động đáng kể.



Thị trường sơ cấp

Tỷ đồng

Khối lượng phát hành



Dự báo:

Tuần tới - từ 13/11/2023, dự kiến mặt bằng lợi suất TPCP biến động trong biên độ từ 1-5bps.

1-3 năm: 1,60-1,80%/năm; 5 năm: 1,70-1,80%/năm; 7 năm: 2,30-2,40%/năm; 10 năm: 2,55 - 2,65%/năm; 15 năm: 2,75 - 2,85%/năm.

4 | Thị trường hàng hóa

- Nhóm hàng Cà phê:

+ Giá Arabica tháng 12 tăng 2,11%, trong khi giá Robusta tháng 1 cũng có mức tăng 2,07% so với tham chiếu. Nguồn cung thắt chặt trong ngắn hạn kéo theo tồn kho Arabica đạt chuẩn trên Sàn ICE thấp nhất trong hơn 24 năm là nguyên nhân chính hỗ trợ giá tăng. Trái lại, triển vọng nguồn cung cà phê vụ mới tại Việt Nam lại góp phần làm dịu giá và khiến giá Robusta tăng nhẹ hơn Arabica.

+ Tuần trước, tồn kho Arabica đạt chuẩn trên Sàn ICE US đã giảm 57.774 bao loại 60kg, mức sụt giảm kỷ lục trong 1 tuần, đưa tổng số cà phê đang lưu trữ hiện tại về 302.235 bao. Đây là mức tồn kho đạt chuẩn thấp nhất từng ghi nhận kể từ giữa tháng 4/1999.

+ Tuy vậy, hoạt động thu hoạch cà phê tại Việt Nam diễn ra ổn định, đưa đến kỳ vọng nguồn cung vụ mới sớm được đẩy ra thị trường. Điều này giúp dịu lại những lo ngại xuất khẩu thấp trước đó và góp phần ổn định tồn kho trên Sàn ICE EU đang dao động quanh mức 40.000 tấn.

- Nhóm hàng Ngũ cốc:

+ Giá Ngô tiếp tục suy yếu tuần thứ 3 liên tiếp với mức giảm gần 2,7%, trong khi Đậu tương chỉ ghi nhận mức giảm không đáng kể và Lúa mì kết tuần tại mức tham chiếu.

+ Trong báo cáo WASDE mới đây, năng suất ngô Mỹ niên vụ 23/24 được USDA nâng dự báo lên mức 174,9 tạ/mẫu, từ mức 173 tạ/mẫu trong báo cáo trước. Mức thay đổi này vượt trên mức dự đoán trung bình 173,8 tạ/mẫu mà thị trường đưa ra trước đó. Đối với các số liệu thế giới, trái với kỳ vọng thắt chặt hơn của thị trường, tồn kho cuối niên vụ toàn cầu được USDA điều chỉnh tăng lên mức 315 triệu tấn, từ mức 312,4 triệu tấn trong báo cáo tháng 10. Do vậy, những điều chỉnh mang tính bất ngờ trong báo cáo WASDE tháng 11 chính là yếu tố khiến giá ngô lao dốc trong hai phiên cuối tuần.

+ Trong khi đó, tồn kho Lúa mì của Mỹ và thế giới niên vụ 23/24 được dự báo cao hơn đáng kể so với dự đoán của thị trường đã gây sức ép mạnh đến giá lúa mì. Ở chiều ngược lại, cuộc tấn công bất ngờ của Nga vào tàu dân sự ở Biển Đen làm dấy lên lo ngại về hoạt động vận chuyển ngũ cốc qua khu vực này. Đây là thông tin tác động "bullish" đến mặt hàng này và hạn chế đà giảm của giá.

+ Đối với đậu tương, USDA đã điều chỉnh tăng ước tính năng suất và sản lượng niên vụ 23/24 của Mỹ so với báo cáo tháng 10. Ở diễn biến khác, bất chấp tình hình thời tiết bất lợi trong đầu vụ, CONAB vẫn nâng dự báo sản lượng đậu tương niên vụ 23/24 của Brazil thêm 0,3% so với ước tính tháng trước. Việc cả 2 quốc gia sản xuất hàng đầu thế giới đều được dự báo sẽ có nguồn cung gia tăng đã khiến giá quay đầu từ mức cao nhất trong 3 tháng qua. Tuy vậy, đà giảm của giá đã bị hạn chế do các nhu cầu nhập khẩu đậu tương Mỹ giai đoạn gần đây, khi mà khối lượng bán hàng đậu tương Mỹ trong báo cáo Daily Export Sales đã đạt tới mức cao kỷ lục 2,8 triệu tấn trong tuần trước.

- Nhóm hàng Nông sản khác:

+ Giá Bông (No.2) ghi nhận tuần giảm thứ hai liên tiếp khi đóng cửa thấp hơn tham chiếu gần 3%. Doanh số bán hàng và nhu cầu về Bông đều được điều chỉnh tích cực nhưng chưa đủ để xua đi lo ngại về nhu cầu chung trên thị trường.

+ Giá Đường (No.11) giảm 1,73% trong tuần qua. Sản lượng đường tại Brazil duy trì tại mức cao trong nửa cuối tháng 10, giúp những lo ngại về nguồn cung thấp do ảnh hưởng bởi mưa được dịu lại.

Nông sản	Mã	03/11/2023	10/11/2023	% thay đổi
Cà phê Robusta	LRCF24	2372	2421	+2,07%
Cà phê Arabica	KCEZ23	170,90	174,50	+2,11%
Ngô	ZCEH24	492,25	479,00	-2,69%
Đậu tương	ZSEF24	1351,75	1347,50	-0,31%
Lúa mì	ZWAH24	599,25	599,25	+0,00%
Bông	CTEZ23	79,62	77,32	-2,89%
Đường	SBEH24	27,77	27,29	-1,73%

Kim loại và Năng lượng	Mã	03/11/2023	10/11/2023	% thay đổi
Đồng COMEX	CPEZ23	3,6815	3,5870	-2,57%
Đồng LME	CAD	8168,5	8035,5	-1,63%
Nhôm LME	AHD	2256,5	2215,0	-1,84%
Quặng sắt SGX	FEFZ23	122,94	126,81	+3,15%
Dầu thô WTI	CLEZ23	80,51	77,17	-4,15%
Dầu thô Brent	QOF24	84,89	81,43	-4,08%

- Nhóm hàng Kim loại

+ Giá Đồng COMEX giảm 2,57% về 3,58 USD/pound, đứt chuỗi tăng hai tuần liên tiếp. Ngoài chịu áp lực bởi yếu tố vĩ mô, giá Đồng còn phải chịu sức ép khi tiêu thụ chưa khởi sắc, trong khi nguồn cung lại tăng trưởng tích cực. Peru, quốc gia khai thác Đồng lớn thứ hai thế giới, báo cáo sản lượng đồng đạt 235.178 tấn trong tháng 9, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trước đó, Chile, nước khai thác Đồng lớn nhất thế giới, cũng báo cáo sản lượng Đồng tháng 9 tăng 4,1% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 5,34% so với tháng 8.

+ Trái lại, giá Quặng sắt nổi dài đà tăng sang tuần thứ ba liên tiếp, chốt tuần tại mức 126,81 USD/tấn nhờ tăng 3,15%. Giá Quặng sắt được hưởng lợi nhờ những tín hiệu Chính phủ Trung Quốc tiếp tục kích thích kinh tế.

- Nhóm hàng Năng lượng:

+ Giá Dầu WTI đánh mất 4,15% giá trị xuống còn 77,17 USD/thùng, thiết lập chuỗi giảm 3 tuần liên tiếp. Giá Dầu Brent rơi xuống dưới mốc 82 USD/thùng, giảm 4,08% so với tuần trước. Hiện tại, giá Dầu thô đã về mức thấp nhất trong hơn 3 tháng qua. Lo ngại về thiếu hụt nguồn cung giảm bớt, trong khi nhu cầu có chiều hướng đi xuống đã tạo ra áp lực cho giá Dầu thô.

+ Báo cáo Triển vọng năng lượng ngắn hạn (STEO) tháng 11 của Cơ quan Thông tin năng lượng Mỹ (EIA) đã điều chỉnh dự báo cung cầu Dầu thô quý IV năm nay, từ thâm hụt sang thặng dư 200.000 thùng/ngày. Trong đó, nguồn cung quý IV được điều chỉnh tăng mạnh 0,5% so với báo cáo trước, chủ yếu do mức tăng sản lượng từ các quốc gia ngoài Tổ chức xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC). Nhu cầu chỉ được điều chỉnh tăng thêm 0,2%.

+ EIA dự báo giá dầu Brent giao ngay đạt trung bình 83,99 USD/thùng vào năm 2023, giảm nhẹ so với ước tính tháng 10 là 84,09 USD/thùng. Dự báo giá Dầu Brent giao ngay trong năm 2024 cũng được điều chỉnh giảm xuống 93,24 USD/thùng, từ mức 94,91 USD/thùng. LSEG dự báo nhu cầu khí đốt của Mỹ sẽ giảm 0,7 tỷ feet khối/ngày trong tuần này bởi thời tiết ôn hoà hơn. Sản lượng gas tăng và nhu cầu suy giảm đã thúc đẩy lực bán khí tự nhiên trong tuần qua.

Lưu ý sử dụng thông tin

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây, Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này, Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB, Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật,

*Thông tin liên hệ: Phòng Kinh doanh vốn – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 6 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137 (0348, 0306)
Reuters code: VCBH
Email: kdv@vietcombank.com.vn*